

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2024/DS-ST**
Ngày: 10 – 9 - 2024
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Duy Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Anh Tuấn
2. Ông Hoàng Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Oanh - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023; thông báo thụ lý bổ sung số: 73A/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST- DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Anh Đ, sinh năm: 1990; Nơi thường trú: Số H, đường T, tổ dân phố D, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1966; Nơi thường trú: Tổ dân phố D, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2023.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Ngọc T, sinh năm: 1983 và bà Phan Thị X, sinh năm 1983; Cùng nơi thường trú: Thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

(Bà H, ông T có mặt; bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày: Do quen biết nhau từ trước nên ngày 18/8/2022 ông Đ có cho vợ chồng ông T, bà X vay số tiền 300.000.000đ, việc vay tiền này thì đều không thỏa thuận lãi suất, sau khi ông Đ giao đủ tiền vay cho ông T thì ông T đều viết giấy vay tiền giao cho ông Đ giữ. Thỏa thuận thời gian vay là khi nào ông Đ cần tiền thì ông T, bà X trả nhưng đến khi ông Đ đòi tiền thì ông

T, bà X không trả cho ông Đ. Mặc dù trong giấy vay tiền chỉ có chữ ký, viết của ông T nhưng những lần vay trước bà X có biết và đóng lãi cho ông Đ. Mặt khác ông T, bà X vẫn đang là vợ chồng, cùng nơi thường trú tại thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên bà X phải có trách nhiệm đối với khoản tiền do ông T vay. Tổng cộng ông T, bà X vay của ông Đ là 300.000.000đ, trong lần vay tiền này thì đều không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay là để ông T, bà X đáo hạn ngân hàng. Sau khi ông Đ giao đủ tiền vay cho ông T, bà X thì ông T đều viết giấy vay tiền giao cho ông Đ giữ. Thỏa thuận thời gian vay là khi nào ông Đ cần tiền thì ông T, bà X trả nhưng đến khi ông Đ đòi tiền thì ông T, bà X không trả một khoản tiền nào. Mặc dù trong giấy vay tiền chỉ có mình ông T ký và viết tên vay tiền của ông Đ nhưng do ông T, bà X đã vay tiền của ông Đ rất nhiều lần. Mặt khác ông T, bà X vẫn đang là vợ chồng nên bà X phải có trách nhiệm đối với khoản tiền do ông T vay. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Ngọc T, bà Phan Thị X phải có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 300.000.000đ đã vay và 58.830.000đ tiền lãi (tạm tính từ ngày 18/8/2022 đến ngày 05/8/2024), ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Trương Ngọc T trình bày:

- Ông Trương Ngọc T trình bày: Ngày 18/8/2022, do cần tiền cho người khác vay lại để đáo hạn ngân hàng nên ông T có đến nhà ông Nguyễn Anh Đ đề nghị vay số 300.000.000đ trong thời hạn vài ngày hẹn đến ngày 25/8/2022 sẽ trả lại, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất thỏa thuận là 1.000.000đ/2.000đ/1 ngày, ông T đã trả tiền lãi cho bà H (là mẹ ruột ông Đ) đầy đủ đến tháng 10/2022 thì không trả tiền lãi được nữa do người nợ tiền ông T không chịu trả, vợ chồng ông không làm ăn chung, khoản tiền vay của ông Đ thì ông T dùng để cho người khác vay lại để đáo hạn ngân hàng, giấy vay tiền đề ngày 18/8/2022, số tiền 300.000.000đ, ký và ghi họ tên người vay là Trương Ngọc T do bà H nộp bản chính kèm bản phô tô cho Tòa án đúng là giấy vay tiền này là do ông T ký và viết họ tên, việc viết giấy thì không có ai chứng kiến. Nay đối với yêu cầu của ông Đ thì chỉ một mình ông có nghĩa vụ trả cho ông Đ 300.000.000đ gốc và tiền lãi cho ông Đ nhưng tôi xin trả dần chứ không có khả năng trả một lần. Còn bà X không liên quan đến việc vay tiền nên không có trách nhiệm trả nợ, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn bà Phan Thị X trình bày: Việc vay mượn tiền giữa ông Đ với ông T (chồng bà) thì lúc vay mượn bà không biết, đến khi Tòa án thông báo thì bà mới biết. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, một mình ông T vay thì ông T có trách nhiệm trả chứ không liên quan đến bà, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông T, bà X vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Nay ông Đ chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Ngọc T phải trả số tiền gốc 300.000.000đ đã vay và lãi suất 0,83/tháng là 58.830.000đ tiền lãi (tạm tính từ ngày 18/8/2022 đến ngày 05/8/2024) đối với yêu cầu buộc bà Phan Thị X (vợ ông T) cùng có nghĩa vụ trả nợ với

ông T thì chúng tôi xin rút lại, không yêu cầu bà X phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ nữa.

Bị đơn ông Trương Ngọc T trình bày: Đối với yêu cầu của ông Đ thì chỉ một mình ông có nghĩa vụ trả cho ông Đ 300.000.000đ số tiền gốc và tiền lãi nhưng ông T xin trả dần chứ không có khả năng trả một lần. Còn bà X không liên quan đến việc vay tiền nên không có trách nhiệm trả nợ, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 466; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh Đ về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn ông Trương Ngọc T. Buộc ông Trương Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ số tiền gốc 300.000.000đ và lãi suất 0,83/tháng từ khi vay cho đến nay chậm trả là 60.993.000đ, tổng cộng 360.993.000đ. Đình chỉ phần yêu cầu của ông Đ đối với phần yêu cầu buộc bà Phan Thị X cùng có nghĩa vụ trả tiền với ông T. Buộc ông Trương Ngọc T phải chịu 18.049.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Anh Đ yêu cầu bị đơn ông Trương Ngọc T, bà Phan Thị X phải trả số tiền 300.000.000đ và lãi suất 0,83/tháng từ khi vay cho đến nay xuất phát từ việc cho vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 23 tháng 8 năm 2024, bị đơn ông Trương Ngọc T, bà Phan Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Phan Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phan Thị X theo thủ tục chung.

[2] Về việc áp dụng pháp luật nội dung và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ:

[2.1] Về việc áp dụng pháp luật: Các bên đương sự đang tranh chấp số tiền 300.000.000đ xuất phát từ các hợp đồng vay, bắt đầu từ ngày 18/8/2022 và kết thúc là ngày 25/8/2022. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp giữa các cá nhân phát sinh trong hoạt động giao dịch dân sự nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết nội dung vụ án.

[2.2] Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì: “Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp”. Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thì thuộc trách nhiệm của đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Đ về việc buộc bị đơn ông T, bà X phải trả số tiền 300.000.000đ và lãi suất 0,83/tháng từ khi vay cho đến nay thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn xuất trình cho Tòa án 01 bản chính giấy mượn tiền, cụ thể: Giấy mượn tiền đề ngày 18/8/2022, thời hạn vay bắt đầu từ ngày 18/8/2022 và kết thúc là ngày 25/8/2022, số tiền vay là 300.000.000đ; chính ông Trương Ngọc T cũng thừa nhận giấy mượn tiền này thì ông ký và viết tên Trương Ngọc T dưới mục người vay.

Ông T cho rằng vay với mức lãi suất 1.000.000đ/2.000đ/ngày, ông đã trả tiền lãi cho bà H (là mẹ ruột ông Đ) đầy đủ đến tháng 10/2022 thì không trả tiền lãi được nữa do người nợ tiền ông không chịu trả. Tuy nhiên ông T không có chứng cứ nào chứng minh cho lời khai về tiền lãi này, mặt khác ông Đ không thừa nhận lời khai về tiền lãi nêu trên của ông T; hơn nữa trong các giấy vay tiền đều không đề cập đến lãi suất. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận lời khai về tiền lãi suất nêu trên của ông T.

[3.1] Về nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Ngọc T phải trả số tiền 300.000.000đ đã vay và 58.830.000đ tiền lãi (tạm tính từ ngày 18/8/2022 đến ngày 05/8/2024) đối với yêu cầu buộc bà Phan Thị X (vợ ông T) cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông T thì chúng tôi xin rút lại, không yêu cầu bà X phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ nữa. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào các Điều 217, 218, 219, 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh Đ.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Anh Đ về việc buộc bị đơn ông T phải trả số tiền lãi 0,83/tháng từ khi vay thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong giấy mượn tiền đề ngày 18/8/2022, số tiền 300.000.000đ không thể hiện lãi suất. Ông Đ cho rằng vay có lãi suất 0,83%/tháng, còn ông T thì cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1.000.000đ/2.000đ/1 ngày, ông đã trả tiền lãi cho bà H (là mẹ ruột ông Đ) đầy đủ đến tháng 10/2022 rồi ngưng không trả nữa, khi trả lãi

không lập giấy tờ, không có người làm chứng. Ông Đ, bà H cũng không thừa nhận lời khai về việc trả tiền lãi của ông T.

Hơn nữa trong các giấy mượn tiền đều không đề cập đến lãi suất. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định hợp đồng vay tiền đề ngày 18/8/2022, số tiền 300.000.000đ giữa ông Đ với ông T không có lãi suất.

Vì vậy, hợp đồng vay tiền ngày 18/8/2022, số tiền vay 300.000.000đ thời gian vay đến ngày 25/8/2022, thời gian tính lãi chậm trả là từ ngày 26/8/2022 đến ngày 10/9/2024 là 24 tháng 15 ngày với mức lãi suất là 0.83%/tháng (tương ứng 0.0274%/ngày); số tiền lãi như sau:

$(300.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 24 tháng) + (300.000.000đ \times 0.0274\%/ngày \times 15 ngày) = 60.993.000đ.$

Tổng số tiền lãi theo pháp luật là: $59.760.000đ + 1.233.000đ = 60.993.000đ.$

[4] Từ những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh Đ, buộc bị đơn ông T có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền gốc 300.000.000đ và lãi chậm trả là 60.993.000đ, tổng cộng 360.993.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Buộc bị đơn ông Trương Ngọc T phải chịu 18.049.000đ ($360.993.000đ \times 5\%$) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn Anh Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 205, 220; 227, 228, 244, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" của nguyên đơn ông Nguyễn Anh Đ đối với bị đơn ông Trương Ngọc T.

Buộc ông Trương Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Anh Đ số tiền gốc 300.000.000đ và lãi chậm trả là 60.993.000đ, tổng cộng **360.993.000đ** (*ba trăm sáu mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh Đ về việc yêu cầu buộc bà Phan Thị X cùng có nghĩa vụ trả tiền với ông Trương Ngọc T.

3. *Về án phí:* Buộc ông Trương Ngọc T phải chịu 18.049.000đ (mười tám triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Anh Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Đ 8.821.000đ (tám triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007357 ngày 25/12/2023 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007457 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Duy Toàn

